TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:348/2024/DS-PT
Ngày: 26/6/2024
V/v tranh chấp: "Đòi quyền sử dụng đất và Chia tài sản chung sau ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Hải.**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Văn Đạt.**

Ông **Võ Ngọc Giàu**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thanh Phong**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Xuân Ngọc**, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2024/TLPT-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp "Đòi quyền sử dụng đất và Chia tài sản chung sau ly hôn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 264/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 68/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2024;

Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Kim T, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của chị Lê Thị Kim T: Ông Lâm Hữu N, sinh năm 1989, theo giấy ủy quyền ngày 30/01/2024 (có mặt).

Địa chỉ: Số G đường T, Phường F, thành Phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Ngô Văn N1, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của anh Ngô Văn N1: Anh Ngô Hoàng N2, sinh năm 1991, theo giấy ủy quyền ngày 21/01/2022 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số A đường N, khu phố G, phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

* *Người kháng cáo:* nguyên đơn chị Lê Thị Kim T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Trần Đăng K là người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Kim T trình bày:

Chị T có thửa đất số 62, tờ bản đồ số 19, diện tích 1.621,2m^2 tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03186 ngày 26/8/2020 tên Lê Thị T, do sai sót trong việc cấp giấy nên ngày 08/11/2021 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới số CS03617 ngày 08/11/2021 cho chị Lê Thị Kim T.

Nguồn gốc thửa đất trên là do chị T được thừa kế riêng từ cha ruột là ông Lê Văn M, chị T thừa kế riêng từ ông M trong thời kỳ hôn nhân với anh N1. Hiện nay anh Ngô Văn N1 là chồng cũ của chị T đã ly hôn theo bản án số 93/2020/HNGĐ-ST ngày 10/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, anh N1 tự ý xây căn nhà và thu hoạch sầu riêng trên thửa đất của chị T. Chị T nhiều lần yêu cầu anh N1 trả lại thửa đất số 62 nói trên nhưng anh N1 vẫn không trả. Vụ tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân xã M hòa giải nhưng không thành, anh N1 không đồng ý trả lại đất cho chị T.

Nay chị Lê Thị Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Ngô Văn N1 trả lại chị T thửa đất số 62, tờ bản đồ 19, diện tích 1.621,2m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03617 ngày 08/11/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho chị Lê Thị Kim T, phần đất tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Về căn nhà trên đất trước đây là nhà lá, mái tole chứ không phải nhà tole, nền gạch như hiện trạng lúc Tòa án thẩm định, phần nhà này do anh N1 tự xây dựng. Chị T đồng ý bồi thường giá trị toàn bộ căn nhà cho anh N1 theo mức giá đã định giá.

Về cây trồng là cây sầu riêng và các tài sản khác trên đất như hàng rào, chuồng heo, chuồng trại là tài sản chung của vợ chồng do anh N1, chị T cùng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên chị T đồng ý hoàn lại ½ giá trị cho anh N1.

- Theo đơn phản tố, bản tự khai của anh Ngô Văn N1, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Ngô Hoàng N2 là người đại diện theo ủy quyền của anh Ngô Văn N1 trình bày:

Phần đất thửa số 62 là tài sản chung do vợ chồng anh N1, chị T cùng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Vợ chồng anh N1, chị T cùng nhận chuyển nhượng từ chú Ú của chị T là ông Lê Văn Ú1. Phần đất này chuyển nhượng 02 lần, lần đầu là 1000m^2, lần thứ hai là 621m^2. Do anh N1 ít hiểu biết nên toàn bộ giấy tờ do chị T làm, anh N1 không có làm giấy tờ gì. Từ khi mua đất khoảng năm 2007 hai vợ chồng cùng cải tạo đất trồng sầu riêng. Anh Ngô Văn N1 yêu cầu Tòa án chia cho anh N1 được hưởng 2/3 diện tích thửa đất số 62, tờ bản đồ 19, diện tích 1.621,2 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03617 ngày 08/11/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho chị Lê Thị Kim T vì đây là tài sản chung của

vợ chồng, phần đất anh N1 yêu cầu nhận có diện tích khoảng 1.080,6 m^2 tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vị trí đất yêu cầu nhận phần đất có căn nhà của anh N1. Về cây trồng và các tài sản khác trên đất thì yêu cầu chia đôi, mỗi người hưởng ½ giá trị.

Về căn nhà trên phần đất tranh chấp, trong thời gian anh N1, chị T sống chung thì nhà lá tạm, sau đó xuống cấp nên anh N1 xây dựng lại thành nhà tole, nền gạch như hiện nay để ở. Khi xây dựng không có ai cản trở, nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì yêu cầu nguyên đơn hoàn lại giá trị căn nhà cho anh N1 theo mức giá Tòa án đã định giá.

Bản án dân sự sơ thẩm số 264/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 28, Điều 29, Điều 33 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 95 của Luật Đất đai 2013;

Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim T.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Ngô Văn N1.

Xác định thửa đất số 62, tờ bản đồ 19, diện tích 1.621,2m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03617 ngày 08/11/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho chị Lê Thị Kim T và 27 cây sầu riêng loại A, hàng rào, chuồng heo, chuồng trại trên đất là tài sản chung của anh Ngô Văn N1 và chị Lê Thị Kim T. Anh N1 và chị T mỗi người được hưởng ½ tài sản chung.

- Chia cho anh Ngô Văn N1 phần đất có diện tích 728,3m^2 (trong đó có 75m^2 đất thổ cư) trị giá đồng 180.203.800 ký hiệu 3 trên Trích đo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 28/9/2023 gắn liền với căn nhà của anh Ngô Văn N1 đang ở. Nhà có kết cấu mái tole, kèo thép, cột thép, vách tole, nền dán gạch ceramic, diện tích nhà 44,89m^2, nhà có mái che bằng tole, kèo gỗ tạp, nền đất, diện tích 6,5m^2. Phần đất có vị trí:

+ Bắc giáp thửa 47 của Huỳnh Văn T1;

+ Nam giáp thửa 72 của Lê Văn Ú1 (có lối đi đường bê tông);

+ Đông giáp thửa 341 và thửa 70 của Dương Văn D;

+ Tây giáp thửa 62.

(có sơ đồ kèm theo)

- Chia cho anh Ngô Văn N1 11 cây sầu riêng loại A gắn liền với phần đất anh N1 được chia.

- Chia cho chị Lê Thị Kim T phần đất có diện tích 728,3m^2 (trong đó có 75m^2 đất thổ cư) trị giá đồng 180.203.800 ký hiệu 2 trên Trích đo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 28/9/2023. Phần đất có vị trí:

+ Bắc giáp thửa 47 của Huỳnh Văn T1;

+ Nam giáp thửa 72 của Lê Văn Ú1 (có lối đi đường bê tông);

+ Đông giáp thửa 62;

+ Tây giáp thửa 72 của Lê Văn Ú1.

(có sơ đồ kèm theo)

- Chia cho chị Lê Thị Kim T 16 cây sầu riêng loại A gắn liền với phần đất chị T được chia.

- Chia cho chị Lê Thị Kim T hàng rào kết cấu bê tông cốt thép, diện tích 111,458m^2, tường gạch xây không tô cao 0,6m, trên là lưới B40 gắn liền với phần đất chị T được chia.

- Chia cho chị Lê Thị Kim T chuồng heo kết cấu mái tole, cột kèo gỗ, tường xây không tô, nền xi măng, diện tích 9,8m^2 gắn liền với phần đất chị T được chia.

- Chia cho chị Lê Thị Kim T chuồng trại nuôi gia cầm kết cấu mái tole, cột kèo gỗ tạp, nền đất diện tích 12,8m^2 gắn liền với phần đất chị T được chia.

Chị Lê Thị Kim T có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Ngô Văn N1 ½ giá trị hàng rào là 11.395.466đồng, ½ giá trị chuồng heo 462.336 đồng, ½ giá trị chuồng trại là 183.680 đồng và 32.377.500 đồng tiền chênh lệch số cây sầu riêng. Tổng số tiền chị T phải hoàn lại cho anh N1 là 44.418.982 đồng.

Thực hiện khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Chị Lê Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 18.354.000 đồng án phí chia tài sản chung nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0001594 ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên chị T phải nộp tiếp 18.354.000 đồng.

- Anh Ngô Văn N1 phải chịu 18.354.000 đồng tiền án phí nhưng được trừ vào 5.275.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh N1 đã nộp theo biên lai thu số 0001740 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên anh N1 phải nộp tiếp 13.079.000 đồng.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

** Ngày 09/10/2023 nguyên đơn Lê Thị Kim T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.*

**** Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Nguyên đơn Lê Thị Kim T và bị đơn Ngô Văn N1 thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 264/2023/DSST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định của pháp luật.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp "Đòi quyền sử dụng đất và chia tài sản chung sau khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn Lê Thị Kim T đúng theo quy định tại Điều 270 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét thấy tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Kim T và bị đơn anh Ngô Văn N1 thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án cụ thể như sau:

Xác định thửa đất số 62, tờ bản đồ 19, diện tích 1.621,2m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03617 ngày 08/11/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho chị Lê Thị Kim T là tài sản chung của anh Ngô Văn N1 và chị Lê Thị Kim T.

- Anh Ngô Văn N1 được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 628,3m^2 (trong đó có 75m^2 đất thổ cư), ký hiệu số 3 trên Trích đo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 10/7/2024, gắn liền với căn nhà của anh Ngô Văn N1 đang ở. Anh Ngô Văn N1 được quyền sở hữu căn nhà có kết cấu mái tole, kèo thép, cột thép, vách tole, nền dán gạch

ceramic, diện tích nhà 44,89m^2, nhà có mái che bằng tole, kèo gỗ tạp, nền đất, diện tích 6,5m^2 và toàn bộ cây trồng, tài sản khác trên phần đất anh được chia chị T không tranh chấp. Phần đất có vị trí:

+ Bắc giáp thửa 47 của Huỳnh Văn T1;

+ Nam giáp thửa 72 của Lê Văn Ú1 (có lối đi đường bê tông);

+ Đông giáp thửa 341 và thửa 70 của Dương Văn D;

+ Tây giáp thửa 62.

(có sơ đồ kèm theo)

- Chị Lê Thị Kim T được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 828,3m^2 (trong đó có 75m^2 đất thổ cư), ký hiệu số 2 trên Trích đo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 10/7/2024. Chị Lê Thị Kim T được quyền sở hữu cây trồng và tài sản khác trên phần đất mình được chia, anh N1 không tranh chấp. Phần đất có vị trí:

+ Bắc giáp thửa 47 của Huỳnh Văn T1;

+ Nam giáp thửa 72 của Lê Văn Ú1 (có lối đi đường bê tông);

+ Đông giáp thửa 62;

+ Tây giáp thửa 72 của Lê Văn Ú1.

(có sơ đồ kèm theo)

Chị Lê Thị Kim T và anh Ngô Văn N1 có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên phần đất mà anh N1 và chị T được sở hữu, quản lý, sử dụng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được xem xét chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Kim T chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm; anh Ngô Văn N1 chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự chị Lê Thị Kim T và anh Ngô Văn N1. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 264/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Xác định thửa đất số 62, tờ bản đồ 19, diện tích 1.621,2m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03617 ngày 08/11/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho chị Lê Thị Kim T là tài sản chung của anh Ngô Văn N1 và chị Lê Thị Kim T.

- Anh Ngô Văn N1 được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 628,3m^2 (trong đó có 75m^2 đất thổ cư), ký hiệu số 3 trên Trích đo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 10/7/2024, gắn liền với căn nhà của anh Ngô Văn N1 đang ở. Anh Ngô Văn N1 được quyền sở hữu căn nhà có kết cấu mái tole, kèo thép, cột thép, vách tole, nền dán gạch ceramic, diện tích nhà 44,89m^2, nhà có mái che bằng tole, kèo gỗ tạp, nền đất, diện tích 6,5m^2 và toàn bộ cây trồng, tài sản khác trên phần đất anh được chia chị T không tranh chấp. Phần đất có vị trí:

+ Bắc giáp thửa 47 của Huỳnh Văn T1;

+ Nam giáp thửa 72 của Lê Văn Ú1 (có lối đi đường bê tông);

+ Đông giáp thửa 341 và thửa 70 của Dương Văn D;

+ Tây giáp thửa 62.

(có sơ đồ kèm theo)

- Chị Lê Thị Kim T được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 828,3m^2 (trong đó có 75m^2 đất thổ cư), ký hiệu số 2 trên Trích đo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 10/7/2024. Chị T được quyền sở hữu cây trồng và tài sản khác trên phần đất mình được chia, anh N1 không tranh chấp. Phần đất có vị trí:

+ Bắc giáp thửa 47 của Huỳnh Văn T1;

+ Nam giáp thửa 72 của Lê Văn Ú1 (có lối đi đường bê tông);

+ Đông giáp thửa 62;

+ Tây giáp thửa 72 của Lê Văn Ú1.

(có sơ đồ kèm theo)

2. Các đương sự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

3.Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Lê Thị Kim T phải chịu 10.190.190 đồng (Mười triệu một trăm chín mươi nghìn một trăm chín mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0001594 ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên chị T phải nộp tiếp 9.890.190 đồng (Chín triệu tám trăm chín mươi nghìn một trăm chín mươi đồng).

- Anh Ngô Văn N1 phải chịu 7.830.150 đồng *(Bảy triệu tám trăm ba mươi nghìn một trăm năm mươi đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 5.275.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh N1 đã nộp theo biên lai thu số 0001740 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên anh N1 phải nộp tiếp 2.555.150 đồng *(Hai triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn một trăm năm mươi đồng).*

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Lê Thị Kim T chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018039 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, xem như chị đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ vụ án.

DSPT-2023- Hải

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Ngọc Hải